TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 435/2025/DS-PT Ngày: 26-9-2025 V/v Tranh chấp xác định quyền sở hữu tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, về việc "Tranh chấp xác định quyền sở hữu tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; CC số 096064004998 cấp ngày 03/10/2024 *(có mặt)*.

2. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1966; CC số 096166005774 cấp ngày 19/8/2024 *(có mặt).*

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1968; CCCD số 096068002249 cấp ngày 5/4/2023 *(vắng mặt)*.

2. Bà Hồ Thị G, sinh năm 1969; CCCD số 096169011320 cấp ngày 15/12/2021*(có mặt).*

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, phường H, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cà Mau; Địa chỉ: Số C, đường H, phường T, tỉnh Cà Mau *(vắng mặt)*.

2. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1941; Địa chỉ cư trú: Ấp T, phường H, tỉnh Cà Mau *(vắng mặt)*.

3. Ông Lê Văn T1 (Thâm); Địa chỉ cư trú: Ấp T, phường H, tỉnh Cà Mau *(vắng mặt)*.

4. Anh Trần T2, sinh năm 2000 *(vắng mặt)*.

5. Chị Trần Nhựt T3, sinh năm 1994 *(vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, phường H, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P *(là nguyên đơn).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 218/2019/DS- ST ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết buộc ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P số tiền 243.000.000 đồng. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P yêu cầu thi hành án. Quá trình xác minh điều kiện thi hành án của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G thể hiện, ông Trần Quốc T và bà Hồ Thị G có tài sản là căn nhà được xây dựng trên phần đất diện tích 60,8m^2 thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 15 do ông Lê Văn T1 đứng tên sổ mục kê. Ông Lê Văn T1 cho rằng phần đất trên là của ông Lê Văn T1, ông chỉ cho bà Nguyễn Thị Ú *(mẹ của ông Trần Quốc T)* sử dụng vào mục đích để ở, không được sang bán. Còn bà Nguyễn Thị Ú xác định là phần đất trên thuộc đất bảo lưu ven sông, đã được vợ chồng ông Lê Văn T1, bà Hồng Thị K cho bà và bà đã sử dụng ổn định từ năm 2007, bà chỉ cho vợ chồng ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G mượn đất để cất nhà ở nên phần đất trên không phải của vợ chồng ông Trần Quốc T. Còn đối với tài sản gắn liền với đất là căn nhà tiền chế diện tích nhà 138,4m^2 *(được cất trên phần đất)* là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G. Cơ quan Thi hành án dân sự thông báo cho những người có liên quan khởi kiện xác định quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp.

Ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế có diện tích 105,3m^2 thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 15 và căn nhà gắn liền với đất diện tích nhà 138,4m^2 là của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G để cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi thu hồi nợ cho ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P.

Bà Nguyễn Thị G1 xác định, diện tích đất tranh chấp là của mẹ chồng bà là bà Nguyễn Thị Ú cho vợ chồng bà mượn để xây dựng nhà ở. Căn nhà gắn liền với đất tranh chấp thuộc sở hữu của vợ chồng bà (ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G)

nhưng có 01 vách nhà sử dụng nhờ của hộ liền kề là của ông Trần Hoàng V. Nay bà Hồ Thị G thống nhất việc cơ quan Thi hành án kê biên căn nhà để thi hành án cho ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P. Không đồng ý kê biên đối với quyền sử dụng phần đất diện tích 60,8m^2 *(theo đo đạc thực tế có diện tích 105,3m^2)* thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 15 vì đó là tài sản của bà Nguyễn Thị Ú, không phải là tài sản của ông Trần Quốc T và bà Hồ Thị Thị G.

Bà Nguyễn Thị Ú xác định: Nguồn gốc phần đất theo đo đạc thực tế là 105,3m^2 là của cụ Châu Thị T4 (chết năm 1962 là bà ngoại của bà Nguyễn Thị Ú) tặng cho bà từ khi bà còn ở chung với cụ Châu Thị T4 và được bà quản lý đất, sử dụng đất. Năm 2007, vợ chồng ông Lê Văn T1, bà Hồng Thị K đã lập giấy cho đất cho bà, có xác nhận của chính quyền địa phương. Phần đất trên bà cho con trai là ông Trần Quốc T mượn đất để cất nhà ở. Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P.

Chị Trần Nhựt T3 xác định có sử dụng số tiền 25.000.000 đồng để xây dựng vách ngăn phòng căn nhà của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị không có yêu cầu gì đối với số tiền trên.

Tại Biên bản về việc hòa giải tranh chấp đất đai ngày 9/9/2022, ông Lê Văn T1 (Thâm) xác định là phần đất đang tranh chấp ông chỉ cho bà Nguyễn Thị Út M ở, không được sang bán. Quá trình tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, ông Lê Văn T1 vắng mặt, không có yêu cầu độc lập.

Theo bản trích đo hiện trạng ngày 25/4/2025 của Chi nhánh Công ty TNHH T7 tại Cà Mau xác định phần đất tranh chấp có diện tích 105,3m^2 thuộc một phần thửa 63 trên bản đồ địa chính. Tổng diện tích xây dựng nhà là 141,5m^2 (trong đó có 3,1m^2 thuộc phạm vi hành lang lộ giới).

Trên cơ sở khảo sát, đo đạc, xác minh tài sản thi hành án đã xác định phần đất từ ranh giới hành lang lộ giới đến ranh giới đất ven sông có diện tích 60,8m^2. Tại Công văn số 488/CCTHADS ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thị hành án dân sự thành phố C đề nghị Tòa án công nhận phần đất thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 15, diện tích 60,8m^2 do ông Lê Văn T1 đứng tên sổ mục kê là của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại Công văn số: 08/CNVPĐKĐĐ ngày 4/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C xác định: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã H, thành phố C theo bản đồ và sổ mục kê năm 2009 do ông Lê Văn T1 đứng tên sổ mục kê, diện tích 223,60m^2, chưa kê khai đăng ký biến động khác. Đối với tài sản gắn liền với đất sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu khi đủ điều kiện theo quy định tại Điều 31 và Điều 32 Nghị định số: 43/2014/NĐ – CP.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 03/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P. Công nhận phần kiến trúc căn nhà xây dựng trên phần đất có diện tích 138,4m^2 toạ lạc tại ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P về công nhận phần đất có diện tích 105,3m^2 toạ lạc tại ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Ngày 17/7/2025, ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 03/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P được thực hiện trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung việc tranh chấp, phạm vi kháng cáo cho thấy: Ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G là người có nghĩa vụ thi hành án trong việc trả số tiền 243.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 218/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Quá trình xác minh tài sản để thi hành án, cơ quan Thi hành án dân sự đã xác định tài sản của người phải thi hành án gồm có một căn nhà tiền chế diện tích nhà 138,4m^2 được xây cất trên phần đất theo đo đạc thực tế là 105,3m^2, tọa lạc tại ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau. Ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G xác định căn nhà là tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng ông Trần Quốc T và đồng ý đưa tài sản trên vào việc thi hành án, còn lại phần đất không thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Trần Quốc T mà là đất của bà Nguyễn Thị Ú *(mẹ của ông Trần Quốc T)*. Không thống nhất với lời trình bày của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G nên ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 105,3m^2 và căn nhà diện tích 138,4m^2 là của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G.

Từ sự thừa nhận của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G, Toà án cấp sơ thẩm công nhận căn nhà thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G là có căn cứ. Riêng đối với phần đất 105,3m^2 không được công nhận quyền sử dụng cho ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G nên ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P kháng cáo yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm, công nhận quyền sử dụng đất diện tích 105,3m^2 là của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G.

Qua diễn biến của quá trình sử dụng đất và tài liệu chứng cứ thu thập được

cho thấy, phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 105,3m^2, tọa lạc tại ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau đã được bà Nguyễn Thị Ú quản lý, sử dụng từ trước năm 2007 và theo bà Nguyễn Thị Ú cho rằng nguồn gốc đất là của bà ngoại của bà là cụ Châu Thị T4. Sau khi cụ Châu Thị T4 chết thì bà Nguyễn Thị Ú sống cùng người cậu tên là Hồng Văn M1 *(là cha của bà Hồng Thị K)*. Trước năm 1975, cụ Hồng Văn M1 đã cho bà một phần diện tích đất để ở ngang 6m, dài 25 mét và bà đã quản lý, sử dụng cất nhà ở nhưng sau đó thì vợ chồng bà Hồng Thị K, ông Lê Văn T1 lấy lại đất nên bà di dời nhà xuống ở tại phần đất ven sông *(vị trí đất hiện nay)* cất nhà ở và sinh sống. Năm 2007, ông Lê Văn T1, bà Hồng Thị K đã lập giấy tờ cho bà phần đất như đã nêu trên. Năm 2013, bà cho con của bà là ông Trần Quốc T mượn đất để cất nhà ở chứ bà không có cho đất. Sau khi ông Trần Quốc T cất nhà xong một thời gian thì bà cùng chung sống với vợ chồng ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G cho đến nay.

Theo thừa nhận của các đương sự thì phần đất trên đang do ông Lê Văn T1 đăng ký kê khai và đứng tên trên sổ mục kê địa chính. Ông Lê Văn T1 cũng đã có ý kiến tranh chấp với bà Nguyễn Thị Ú và việc tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân xã H hòa giải vào ngày 09/9/2022. Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị Ú còn được ông Lê Văn T1, bà Hồng Thị K lập "Tờ cho đất" vào ngày 25/11/2007, phần đất tặng cho chiều ngang 9m, chiều dài từ lộ Hoà Thành đến sông H, tờ cho đất này có xác nhận của vợ chồng ông Lê Văn T1, chính quyền ấp T và chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 08/8/2023, đại diện cơ quan quản đất đất đai ở địa phương xác định phần đất đang tranh chấp trên thuộc đất bảo lưu ven sông, không cấp quyền sử dụng cho người sử dụng đất.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ nêu trên thì không còn tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quyền sử dụng đối với phần đất 105,3m^2 là của vợ chồng ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G. Ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P1 chỉ xác định phần đất do vợ chồng ông Trần Quốc T sử dụng ổn định, lâu dài nên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Trần Quốc T là không phù hợp với diễn biến, nội dung vụ việc và cũng không đúng với qui định tại các Điều 100, 101 của Luật đất đai. Trong khi bà Nguyễn Thị Ú chứng minh là đất được cho, vợ chồng ông Trần Quốc T chỉ được cho mượn đất cất nhà ở từ năm 2013 và kể cả khi cất nhà ở thì bà Nguyễn Thị Ú cũng là người ở cùng nhà với vợ chồng ông Trần Quốc T. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P cho rằng vợ chồng bà Hồ Thị G có giao dịch hụi ở địa phương, cầm cố tài sản và cũng có cam kết nếu không thực hiện nghĩa vụ thì bán nhà, đất để trả nên từ đó chứng minh phần đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Hồ Thị G. Xét qua ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm thì không có chứng cứ để công nhận vì các giao dịch dân sự được vợ chồng bà Hồ Thị G thực hiện ở địa phương cũng như nội dung cam kết trả nợ không phải là căn cứ để xác định quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G.

[3] Từ các căn cứ trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 Cà Mau.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Đỗ Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 Cà Mau.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, 159, 160 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P. Công nhận phần kiến trúc căn nhà có diện tích xây dựng 138,4m^2 tọa lạc tại ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau (*tại bản trích đo hiện trạng ngày 25/4/2025 của Công ty TNHH T7)* thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quốc T và bà Hồ Thị G *(Trong đó có một phần vách nhà sử dụng nhờ của ông Trần Hoàn V1 không thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G).*

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P về việc công nhận phần đất có diện tích 105,3m^2 được xác định vị trí tại các mốc M1M2M3M4 (*bản trích đo hiện trạng ngày 25/4/2025)*, tọa lạc tại ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của ông Trần Quốc T và bà Hồ Thị G.

(Kèm theo bản trích đo hiện trạng ngày 25/4/2025 của Công ty TNHH T7 đo đạt bản đồ Tấn C).

- Về chi phí tố tụng là 4.500.000 đồng đã được ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P nộp xong. Ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P và ông Trần Quốc T, bà Hồ Thị G mỗi bên phải chịu 2.250.000 đồng. Bà Hồ Thị G, ông Trần Quốc T phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị P 2.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị P phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng do bà Đỗ Thị P dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0010089 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Ông Trần Quốc T và bà Hồ Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là

300.000 đồng.

3. Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm, bà Đỗ Thị P phải chịu án dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng đã dự nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0011681 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương